

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 3, TẠI CÔNG TY CP GANG THÉP TN

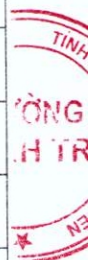
Khối kiến thức I: Những vấn đề cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Những vấn đề cơ bản về Đảng cộng sản và lịch sử ĐCS Việt Nam

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	Số báo danh	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
1	Vũ Việt Anh	07/02/1972	1	56	7.0	Bảy	
2	Nguyễn Tuấn Anh	11/5/1979	2	52	7.0	Bảy	
3	Nguyễn Thị Quế Anh	20/8/1971	3	43	8.0	Tám	
4	Nguyễn Văn Tuấn Anh	05/7/1980	4	33	7.5	Bảy rưỡi	
5	Lê Văn Bảy	15/10/1981	5	31	7.5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Văn Bình	08/02/1966	6	38	7.0	Bảy	
7	Nguyễn Thị Minh Châu	11/4/1973	7	18	8.0	Tám	
8	Vũ Đình Chiến	10/5/1969	8	40	7.5	Bảy rưỡi	
9	Nguyễn Đức Cường	24/10/1984	9	39	7.0	Bảy	
10	Phạm Minh Cường	26/8/1981	10	25	7.0	Bảy	
11	Nguyễn Mạnh Cường	17/11/1977	11	26	7.0	Bảy	
12	Nguyễn Thế Cường	16/6/1979	12	20	7.0	Bảy	
13	Đàm Viết Dự	23/10/1971	13	05	7.0	Bảy	
14	Nguyễn Công Dũng	25/8/1970	14	47	7.5	Bảy rưỡi	
15	Dương Thị Duyệt	09/5/1969	15	12	7.0	Bảy	
16	Bùi Phương Duy	30/01/1980	16	37	7.0	Bảy	
17	Nguyễn Khắc Đức	21/6/1971	17	19	7.5	Bảy rưỡi	
18	Nguyễn Minh Đức	16/9/1980	18	11	7.5	Bảy rưỡi	
19	Đỗ Trường Giang	21/6/1978	19	14	8.0	Tám	
20	Dương Thị Giang	08/9/1984	20	63	8.0	Tám	



4

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	Số báo danh	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
21	Ngô Hồng Hà	14/9/1982	21	09	7.5	Bảy rưỡi	
22	Vũ Thanh Hà	03/12/1968	22	13	7.5	Bảy rưỡi	
23	Nguyễn Vũ Hải	25/6/1968	23	48	6.5	Sáu rưỡi	
24	Hoàng Thanh Hải	08/12/1975	24	50	7.0	Bảy	
25	Nguyễn Văn Hạnh	28/4/1982	25	04	7.5	Bảy rưỡi	
26	Trịnh Xuân Hiệp	15/10/1975	26	29	7.5	Bảy rưỡi	
27	Lê Công Hiếu	20/12/1971	27	62	7.0	Bảy	
28	Trần Thị Thúy Hoàng	19/5/1980	28	28	8.0	Tám	
29	Nguyễn Công Huân	24/9/1973	29	16	7.0	Bảy	
30	Phạm Thanh Huân	04/12/1983	30	07	7.5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Quốc Hùng	10/02/1967	31	08	7.0	Bảy	
32	Tô Thế Hùng	17/5/1966	32	51	7.0	Bảy	
33	Dương Thu Hương	23/12/1988	33	45	8.0	Tám	
34	Lê Viết Huy	19/10/1978	34	60	7.0	Bảy	
35	Nguyễn Huy Khang	13/6/1984	35	55	8.0	Tám	
36	Lê Vĩnh Khang	16/5/1976	36	23	7.5	Bảy rưỡi	
37	Mai Phan Khương	07/10/1969	37	54	7.0	Bảy	
38	Bùi Tuấn Linh	25/02/1987	38	27	8.0	Tám	
39	Dương Thị Ngọc Linh	22/11/1983	39	41	7.5	Bảy rưỡi	
40	Phạm Thị Loan	20/8/1981	40	21	7.5	Bảy rưỡi	
41	Bùi Văn Lùng	01/7/1977	41	36	7.5	Bảy rưỡi	
42	Vũ Ngọc Lương	15/8/1968	42	53	7.5	Bảy rưỡi	
43	Nguyễn Thị Hồng Mai	22/01/1978	43	06	8.0	Tám	
44	Nguyễn Thị Tuyết Mai	22/3/1974	44	03	7.5	Bảy rưỡi	
45	Hà Đức Mẫn	03/11/1983	45	61	7.0	Bảy	



STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	Số báo danh	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
46	Phạm Khả Miên	21/11/1978	46	32	7.5	Bảy rưỡi	
47	Đặng Quang Minh	10/8/1978	47	59	7.5	Bảy rưỡi	
48	Tạ Thị Nguyệt Minh	05/10/1984	48	64	8.0	Tám	
49	Nguyễn Thị Bích Ngọc	30/12/1974	49	15	8.0	Tám	
50	Trần Thị Thu Phương	18/3/1980	50	58	8.0	Tám	
51	Đào Ngọc Sơn	01/10/1976	51	24	7.5	Bảy rưỡi	
52	Lê Minh Sơn	01/4/1968	52	22	8.0	Tám	
53	Bùi Thái Sơn	10/5/1971	53	42	7.5	Bảy rưỡi	
54	Nguyễn Quý Sửu	30/10/1974	54	66	8.0	Tám	
55	Bùi Văn Tạ	17/11/1977	55	35	7.5	Bảy rưỡi	
56	Đinh Tiến Tân	31/10/1979	56	30	7.5	Bảy rưỡi	
57	Cao Văn Tân	17/6/1968	57	65	7.0	Bảy	
58	Nguyễn Thượng Thạch	11/9/1975	58	02	8.0	Tám	
59	Trịnh Hồng Thái	25/02/1972	59	49	7.5	Bảy rưỡi	
60	Trần Đại Thắng	08/12/1968	60	01	7.5	Bảy rưỡi	
61	Trần Nam Thắng	12/4/1975	61	10	7.5	Bảy rưỡi	
62	Nguyễn Văn Thắng	08/3/1982	62	46	7.5	Bảy rưỡi	
63	Phạm Hồng Thành	03/6/1967	63	57	7.5	Bảy rưỡi	
64	Bùi Trọng Tuấn	26/9/1985	64	17	7.5	Bảy rưỡi	
65	Nguyễn Quang Tùng	07/01/1975	65	44	7.0	Bảy	
66	Nguyễn Thế Vinh	03/11/1977	66	34	7.5	Bảy rưỡi	

THƯ KÝ



Nguyễn Phúc Ái

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Văn Nhâm